

KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ ĐÔNG NAM Á VÀ VẤN ĐỀ KINH TẾ TÀI CHÍNH NẢY SINH Ở VIỆT NAM

PTS. TRẦN HOÀNG NGÂN

Vào mùa hè năm 1997, đồng USD đã lên cơn sốt tại các nước Đông Nam Á. Ngân hàng trung ương các nước Thái Lan, Philippines, Indonesia, Malaysia,... đã bán hàng tỷ USD ra thị trường để can thiệp nhằm làm giảm cơn sốt USD. Tuy nhiên do áp lực cầu USD quá lớn, nên sự can thiệp trên không có ý nghĩa. Vì vậy ngày 2.7.1997 chính phủ Thái Lan đã chính thức tuyên bố thả nổi đồng baht Thái Lan (THB), mở đầu cho đợt tổng khủng hoảng tài chính tiền tệ Đông Nam Á. Nếu tính từ đầu tháng 7 năm 1997 đến ngày 6.3.1998 thì đồng baht Thái đã giảm giá 44%, đồng rupiah Indonesia giảm giá 79%, đồng ringgit Malaysia giảm giá 38%, đồng peso Philippines giảm giá 33%. Cơn bão tài chính tiền tệ ASEAN đã diễn ra hơn 8 tháng, nhưng vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc, nó đã gây nhiều tai hại nghiêm trọng đến nền kinh tế thế giới, đặc biệt là tại các nước trong khu vực Châu Á, kể cả Nhật Bản, Hàn Quốc cũng bị bão tiền tệ tàn phá. Nguyên nhân chính của khủng hoảng trên là do đâu? Ảnh hưởng cụ thể của "bão" đến các nước Châu Á và VN như thế nào?

I. NHỮNG NGUYÊN NHÂN CHÍNH DẪN ĐẾN KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ ĐÔNG NAM Á

- Do tham vọng nòng nọc hóa rồng, hóa hổ, nên họ đã ra sức đẩy nền kinh tế phát triển với tốc độ cao, vượt quá khả năng nội tại của nền kinh tế. Các nước ASEAN đã sử dụng tối đa nguồn tài nguyên thiên nhiên hạn hẹp của mình, mở rộng vay nợ nước ngoài và kêu gọi đầu tư nước ngoài ào ạt. Kinh tế phát triển với tốc độ đứng đầu thế giới nhưng nợ nước ngoài cũng không ngừng tăng

lên, trong đó nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn.

- Chính sách đầu tư bất hợp lý và không hiệu quả, tập trung khá nhiều vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Nhiều khách sạn, nhà hàng, văn phòng cho thuê, dịch vụ du lịch... mọc lên khá ồ ạt và vượt cầu. Thị trường bất động sản sau khi đã được thổi phồng, bắt đầu giảm giá và khủng hoảng.

- Hệ thống ngân hàng yếu kém, tín dụng được mở rộng quá khả năng kiểm soát và kém hiệu quả, nợ khó đòi ngày càng gia tăng, các khoản cho vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp đã được thổi phồng, hiện tượng vay nợ để tiêu dùng phung phí đã trở thành thói quen của dân chúng, tệ nạn tham nhũng, cầu ấm bảo lãnh cho các khoản vay không

hiệu quả là con số không nhỏ.

- Chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu đã giúp các nước Đông Nam Á phát triển mạnh từ cuối thập niên 70, nhưng khi thị trường quốc tế biến động, sự cạnh tranh xuất khẩu hàng hóa giữa các nước khiến tốc độ tăng xuất khẩu của các nước ASEAN bị chững lại và giảm thấp. Trong khi đó cánh cửa nhập khẩu thì vẫn được mở rộng, tâm lý tiêu dùng hàng ngoại đã trở thành thói quen. Cán cân thanh toán văng lai (thường xuyên) thiếu hụt, nợ nước ngoài gia tăng và đến hạn liên tục.

- Hệ thống thống kê, kế toán không giúp chính phủ nắm được thực chất tình hình thực tế. Ví dụ: dự trữ ngoại tệ của Thái Lan được công bố là 30 tỷ USD, nhưng thực ra là số âm lớn, ngay cả ở Nhật nợ xấu được công bố là 207 tỷ USD nhưng sau khi Bộ tài chính tính lại theo tiêu chuẩn quốc tế đã lên tới 590 tỷ USD (TS. Vũ Quang Việt - Thời báo Kinh tế Sài Gòn 26.2.1998).

- Các nước Đông Nam Á thi hành một chính sách tỷ giá kém linh hoạt, gần như buộc chặt đồng tiền nước mình với USD. Diễn hình tỷ giá giữa USD với THB được giữ ổn định ở con số 24 - 25 trên 13 năm. Trong khi USD không ngừng tăng giá so với phần lớn các ngoại tệ mạnh trên thị trường, nợ nước ngoài của các nước ASEAN thì không ngừng tăng lên (Thái Lan 88 tỷ USD, Philippines 39,4 tỷ USD, Malaysia 28,9 tỷ USD, Indonesia 102,8 tỷ USD vào tháng 12.97). Dự trữ ngoại tệ thấp (Thái Lan 28 tỷ USD, Philippines 8,3 tỷ USD, Malaysia 21,1 tỷ USD, Indonesia 19,3 tỷ USD - Thời báo Kinh tế VN 97 - 98). Nhưng các nước này thì thực hiện chính sách tự do hóa thị trường tài chính tiền tệ, đồng tiền được tự do chuyển đổi. Những sự kiện



trên cho thấy đồng bản tệ của các nước ASEAN được đánh giá quá cao và dễ ngã.

Trước những nguyên nhân trên, nhà tài chính quốc tế Geore Soros đã chuẩn đoán đúng bệnh "USD sẽ tăng giá so với các đồng tiền ASEAN", từ đó ông đã hành động mua hàng triệu USD kể từ tháng 5 năm 1997 trên thị trường Đông Nam Á. Những nhà đầu tư tầm cỡ khác, khoảng 2000 quỹ đầu tư (Tiger, Orbit, Panther, Puma...) đã tiến hành mua USD, giá USD bắt đầu biến động theo chiều hướng xấu. Ngân hàng trung ương xuất quỹ dự trữ ngoại tệ can thiệp, trong khi đó các công ty, ngân hàng trong nước đổ xô đi mua USD để thanh toán các khoản nợ nước ngoài đến hạn, những nhà đầu tư nước ngoài mua USD để chuyển vốn về nước, dân chúng cũng mua USD để dự trữ... Áp lực cầu USD càng lúc càng tăng mạnh, ngân hàng trung ương ương đã bán gần hết ngoại tệ dự trữ để can thiệp nhưng vẫn không đáp ứng nổi. Thế là cơn bão khủng hoảng tài chính tiền tệ đã bùng nổ và bắt đầu từ Thái Lan (ngày 2.7.1997) sau đó lan rộng đến Philippines, Indonesia, Malaysia, Singapore, Hong Kong, Nhật, Hàn Quốc...

II. TÁC ĐỘNG CỦA KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ ĐẾN KINH TẾ TÀI CHÍNH THẾ GIỚI ĐẶC BIỆT LÀ TẠI CÁC NƯỚC ASEAN

Cơn bão tiền tệ đã gây ra những tác hại nghiêm trọng đối nền kinh tế tài chính ASEAN rơi vào tình thế vô cùng khó khăn.

* Để cứu vãn đồng bản tệ và nền kinh tế, các nước ASEAN đã phải kêu gọi sự hỗ trợ của IMF.

IMF với tư cách là tổ chức tiền tệ quốc tế, được thành lập tại Hội nghị Bretton Woods, New Hampshire, Mỹ vào tháng 7.1944, với mục tiêu là giúp các nước đối phó với việc mất khả năng thanh toán. Trong suốt hơn 50 năm qua, IMF đã thật sự là tổ chức có vai trò rất quan trọng, nó đã chi hàng ngàn tỷ USD để cấp cứu các nước rơi vào tình trạng nguy kịch (Mỹ 1963, Nhật 1989, Mexico 1995...). Tuy nhiên để nhận được các khoản trợ giúp của IMF, các nước Thái Lan (17 tỷ USD) Indonesia (43 tỷ USD), Hàn Quốc (57 tỷ USD) phải chấp nhận các điều kiện do IMF đưa ra. Toa thuốc của IMF dành cho Thái Lan: đóng cửa thêm 42 công ty tài chính, ngoài số 16 công ty đã cho ngưng hoạt động (đã thực hiện), nâng thuế trị giá gia tăng từ 7% lên 10% bắt đầu từ 16.8.1997, bảo đảm mức dự trữ ngoại tệ ở mức tối thiểu là 25 tỷ USD, giữ mức thâm hụt tài khoản thanh toán vãng lai bằng 5% GDP trong năm 1997, 3% vào năm 1998, cắt giảm ngân sách ít nhất là 2,4 tỷ USD trong tài khoá 97 - 98, kim hãm

lạm phát dưới 8% hoặc 9%/năm. Toa thuốc dành cho Indonesia bao gồm 7 loại thuốc: giữ tỷ lệ lạm phát dưới 20%, giữ thâm hụt ngân sách dưới 1% GDP, cắt giảm chi tiêu chính phủ, hủy bỏ các dự án tốn kém, cho phép ngân hàng trung ương toàn quyền trong việc thực hiện chính sách, cơ cấu lại các ngân hàng; các công ty và cuối cùng là xóa bỏ các hạn chế về buôn bán và tình trạng độc quyền. Những liều thuốc đắng tuy có bổ nhưng đang gây ra những tác hại phụ nghiêm trọng (đồng bản tệ tiếp tục mất giá, số lượng công ty phá sản tăng nhanh, thất nghiệp tăng...).

* Do ảnh hưởng của bão tiền tệ, kinh tế thế giới năm 1997 tăng trưởng chậm ở mức 3,55 thấp hơn 0,3% so với năm 1996.

Nhìn chung các nước tại Châu Á đều có tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp hơn nhiều so với năm 1996.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế tại các nước Châu Á

(%)

Tên nước	Năm 1996	Năm 1997
Thái Lan	8,3	0,6
Indonesia	7,8	5,9
Malaysia	8,2	7,0
Philippines	5,5	5,0
Singapore	8,0	7,0
Nhật	3,6	1,1
Hàn Quốc	6,9	6,0
Trung Quốc	9,8	8,8
Campuchia	7,7	6,0
Lào	7,1	6,9

Nguồn: An ninh Thế giới 27.2.1998, Thời báo kinh tế VN 1997 - 1998

* Khủng hoảng tiền tệ tác động rất mạnh tới thị trường chứng khoán khắp nơi. Hiện tượng các nhà đầu tư bán ồ ạt chứng khoán để rút vốn về nước, đã làm thị trường chứng khoán chao đảo.

Ngày 23.10.1997 tại thị trường Hongkong giá cổ phiếu giảm 13%, từ đó tác động đến thị trường chứng khoán New Zealand (-12,4%), Australia (-7,2%), Singapore (-7,6%), London (-3%), Frankfurt (-5%), Paris (-3,5%), New York (-2%). Ngày 27.10.1997 chỉ số Dow Jones của thị trường chứng

khoán New York giảm kỷ lục 554 điểm (-15%) và tác động đến toàn bộ thị trường chứng khoán quốc tế, kể cả Brazil (-15%), Argentina (-10%).

- Do đồng nội tệ mất giá cộng với yếu tố tâm lý lo sợ trong công chúng, làm cho giá cả hàng hóa có chiều hướng tăng. Nhìn chung đến cuối năm 1997, lạm phát tại các nước ASEAN đều tăng so với năm 1996. Cụ thể tại Thái Lan lạm phát năm 97 là 7,7% (5,8% năm 1996), Philippines là 7,5% (5% năm 96), Indonesia là 12% (10% năm 1996).

- Lãi suất cho vay tăng cao (15% - 30%/năm) làm cho sản xuất kinh doanh của các công ty càng gặp khó khăn, nhiều công ty bị phá sản, các ngân hàng mất khả năng chi trả đóng cửa hoạt động (đặc biệt là tại Thái Lan và Indonesia). Tình trạng thất nghiệp ngày càng gia tăng, số lượng biểu tình chống thất nghiệp ngày càng nhiều. Hàn Quốc và Nhật Bản tình hình cũng tương tự (Nhật: Ngân hàng Takusoky, Công ty chứng khoán Yamaichi, Hàn Quốc thì có Hanbo, Sammi, Sangsong, Kia... phá sản).

- Tình hình kinh tế - chính trị diễn ra theo chiều hướng phức tạp tại các nước khủng hoảng, làm ô nhiễm môi trường đầu tư, làm cho việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào khu vực bị giảm sút...

III. TÁC ĐỘNG CỦA KHỦNG HOẢNG TIỀN TỆ ĐẾN KINH TẾ TÀI CHÍNH VN VÀ BIỆN PHÁP ĐỐI PHÓ

VN nằm trong khu vực đang xảy



ra cơn bão tiền tệ, và lại những nguyên nhân dẫn đến căn bệnh trên đều có tại VN:

- Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, hiệu quả kinh doanh thấp đặc biệt là trong các doanh nghiệp nhà nước, tập trung quá nhiều vào lĩnh vực bất động sản (khách sạn, nhà hàng, văn phòng cho thuê, đất đai...) đến nay đã có dấu

hiệu cung vượt cầu.

- Hệ thống ngân hàng yếu kém: dẫn đến nhiều thất thoát, nợ quá hạn chiếm tỷ lệ cao (19,30% tại các ngân hàng trên địa bàn TP.HCM vào cuối năm 1997), ngân sách bội chi năm 1997 là 3,5% GDP, tăng gấp 3 lần năm 1996 (-1,2% GDP).

- Cán cân thanh toán vãng lai thâm hụt, nợ nước ngoài gia tăng, tỷ giá hối đoái được giữ gần như cố định trong 3 năm 1994, 1995, 1996 là 11.000 VND/USD...

Nhưng do VN chưa có thị trường chứng khoán, đồng tiền VN chưa được tự do chuyển đổi, chính sách quản lý ngoại hối khá chặt chẽ, đầu tư nước ngoài chủ yếu là đầu tư trực tiếp (FDI) cho nên không thể rút vốn ở ạt như Thái Lan. Từ đó ảnh hưởng của "bảo tiền tệ" đến kinh tế tài chính VN sẽ không lớn, nếu có biện pháp đề phòng và đối phó thích hợp.

Theo số liệu kinh tế vĩ mô, năm 1997 nhìn chung nền kinh tế VN vẫn đang phát triển ổn định: tốc độ tăng trưởng GDP tuy có thấp hơn năm 1996 nhưng vẫn ở mức cao 9% (95: 9,5%, 96: 9,3%, 97: 9%), nông nghiệp tăng trưởng ổn định (+4,8%), công nghiệp tăng 13,2% thấp hơn năm 96 (14,4%)...Tuy nhiên do ảnh hưởng của "bảo tiền tệ", nền kinh tế VN đã có những dấu hiệu đáng lo ngại:

- Xuất khẩu: một trong những nhân tố quan trọng góp phần đưa kinh tế VN phát triển cao, nhưng hiện nay đang gặp nhiều khó khăn, hàng xuất khẩu VN bị cạnh tranh gay gắt cả về chất lượng (chủ yếu của VN) và giá cả hàng hóa. Đồng tiền các nước ASEAN bị mất giá, nên giá hàng xuất khẩu của họ có thể giảm linh hoạt, đẩy hàng VN ra khỏi thị trường quốc tế hoặc là phải giảm giá theo. Hiện nay giá xuất khẩu gạo, lạc, cà phê, cao su, dầu thô...đã giảm đáng kể. Theo Bộ thương mại giá hàng xuất khẩu VN rất mạnh: cao su giảm giá 450 - 480 USD/tấn, dầu thô giảm 20 - 30 USD/tấn, gạo giảm 30 - 40 USD/tấn, hạt điều 60 - 70 USD/tấn (Báo Tuổi trẻ 1.3.1998). Xuất khẩu điện tử gặp khó khăn do cạnh tranh trong khu vực, hai công ty điện tử lớn ở TP.HCM là JVC VN, Sony VN cho đến cuối tháng 2.1998 chưa xuất khẩu được lô hàng nào (Thời báo kinh tế Sài Gòn 5.3.1998), trong 6 tháng cuối năm 97, VN thiệt hại 500 triệu USD do giá hàng xuất khẩu giảm (Thời báo kinh tế Sài Gòn 1.1998).

- Sản xuất trong nước vốn đã khó khăn, nay bị hàng ngoại tràn vào do giá rẻ, từ đó gây ra tình trạng đình đốn trong sản xuất, khả năng thanh toán nợ trong ngân hàng giảm sút.

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài, yếu tố quan trọng trong nền kinh tế cũng đã có dấu hiệu chững lại. Năm 1997,

tổng vốn đầu tư đã cấp giấy phép cho các dự án là 5,5 tỷ USD, trong khi đó năm 1996 là 9,2 tỷ USD (Thời báo kinh tế VN 97 - 98). Điều đáng lưu ý là khoảng 70% đầu tư nước ngoài vào VN trong thời gian qua là từ các nước Châu Á. Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Hongkong, Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc, Ấn Độ, Philippines...

- Cán cân thương mại tuy có cải thiện nhưng vẫn nhập siêu mức độ lớn -2,39 tỷ USD vào năm 1997, cán cân thanh toán vãng lai thâm hụt ở tỷ lệ cao khoảng 6% GDP (1,5 - 1,7 tỷ USD).

- Những ảnh hưởng khác như: lao động VN tại nước ngoài thất nghiệp về nước, du lịch quốc tế vào VN giảm sút, công ty mẹ ở nước ngoài phá sản, nghèo khó ảnh hưởng đến công ty con tại VN...

Trước những tác động trên, ngay từ đầu năm 1998, Chính phủ đã có những giải pháp kịp thời hiệu quả, thông qua việc công bố một loạt chính sách:

- Khuyến khích đầu tư trong nước, tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tạo sân chơi bình đẳng cho các thành phần kinh tế (Nghị định 07/NĐ - CP ngày 15 tháng 1 năm 1998 về việc quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước).

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu, cho phép tất cả các công ty đều được xuất khẩu trực tiếp ngoại trừ 12 - 13 mặt hàng, giảm thuế xuất khẩu, theo đó từ ngày 15.2.1998 áp dụng thuế suất 0% đối với các mặt hàng xuất khẩu: gạo các loại, cá, than đá, cao su tự nhiên...(Quyết định số 11/QĐ - TTg ngày 23.11.1998 của Thủ tướng chính phủ về cơ chế điều hành xuất nhập khẩu, Quyết định 103/QĐ-BTC ngày 6.2.1998 về việc sửa đổi bổ sung tên và thuế suất, Thông tư 01/TM-XNK ngày 14.2.1998 của Bộ thương mại).

- Khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài thông qua việc ban hành Nghị định số 10.1998 NĐ-CP ngày 23.1.1998. Trong đó nhà nước bảo đảm thực hiện ổn định, lâu dài chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài, bảo đảm thủ tục đơn giản nhanh chóng theo nguyên tắc "một cửa", "một đầu mối"; khuyến khích mạnh mẽ việc thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu và công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, điện tử.

- Tiếp tục đổi mới và chấn chỉnh hoạt động ngân hàng: công bố 2 luật ngân hàng, củng cố hệ thống ngân hàng thương mại, nâng cao hiệu quả công tác tín dụng, có những giải pháp xử lý nhanh chóng những vấn đề tồn đọng trong lĩnh vực tín dụng (tài sản

thế chấp trong các vụ án), nâng cao chất lượng công tác thanh tra kiểm soát trong hoạt động ngân hàng.

- Ngày 17.2.1998 Thủ tướng Phan Văn Khải đã ký Quyết định 37/QĐ-TTg về việc ban hành một số biện pháp quản lý ngoại tệ và Thống đốc Ngân hàng nhà nước VN ban hành công văn số 157/1998/CV-NHVN ngày 23.2.1998 nhằm triển khai thực hiện Quyết định 37/QĐ-TTg. Mục tiêu của Quyết định 37/QĐ-TTg là nhằm chống lại sự giam giữ USD của các đơn vị, khắc phục tình trạng khan hiếm USD giả tạo, từ đó góp phần cân đối ngoại tệ trong nền kinh tế.

- Ngày 16.2.1998 Ngân hàng nhà nước VN thông báo tăng tỷ giá chính thức từ 11.175 VND/USD lên 11.800 VND/USD từ đó kéo tỷ giá mua bán tại các ngân hàng thương mại sát với tỷ giá thị trường. Trước đó ngân hàng VN đã ban hành hàng loạt các quyết định liên quan đến vấn đề tỷ giá và lãi suất như: Quyết định 16/QĐNH ngày 10.1.1998 về việc quy định nguyên tắc ấn định tỷ giá mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động giao dịch hối đoái kỳ hạn, hoán đổi. Quyết định 17/QĐNH ngày 10.1.1998 về việc ban hành quy chế hoạt động giao dịch hối đoái giao ngay (Spot), kỳ hạn (Forward) hoán đổi (Swap).

Quyết định 18/QĐNH ngày 10.1.1998 về việc quy định trạng thái ngoại tệ đối với tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối. Quyết định 39/QĐNH ngày 1.1.1998 về việc quy định lãi suất cho vay bằng đồng VN và mức lãi suất tiền gửi bằng USD...Tất cả các văn bản đó giúp hệ thống ngân hàng có thể mua được vài trăm triệu USD từ tài khoản tiền gửi ngoại tệ của các doanh nghiệp, thu hút vốn bằng VND, giảm tiền gửi bằng USD, khuyến khích xuất khẩu, giúp thị trường ngoại tệ liên ngân hàng hoạt động sôi nổi...Tuy nhiên trong thời gian tới thiết nghĩ nên bỏ quy định tổ chức kinh tế chỉ được mở tài khoản ngoại tệ tại một tổ chức tín dụng, chính sách lãi suất, tỷ giá cần được sử dụng linh hoạt hơn phù hợp với cung cầu thị trường. Không nên quy định quá chi tiết về việc ấn định tỷ giá mua bán ngoại tệ kỳ hạn, mà nên để ngân hàng thương mại tự quyết định theo lãi suất và tín hiệu thị trường. Đồng thời cần có những biện pháp cụ thể trong việc hạn chế thị trường USD chợ đen.

Như vậy lời giải đã có, vấn đề còn lại là việc triển khai thực hiện các giải pháp đó như thế nào. Nếu được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, chắc chắn kinh tế VN sẽ vượt qua được sóng gió và tiếp tục phát triển ■